

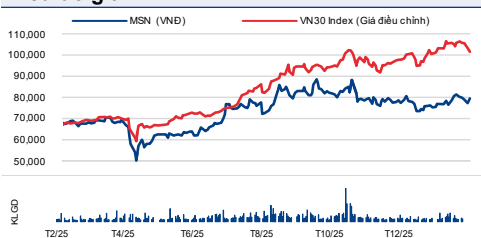
Mua vào

Giá mục tiêu: VNĐ109,600
Tiềm năng tăng/giảm: 37.9%

Giá cổ phiếu (đồng) (28/1/2026)	79,500
Mã Bloomberg	MSN VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	50,300-88,500
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	77,833
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	114,950
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	4,410
Slg CP lưu hành (tr.đv)	1,446
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	1,446
Slg CP NN được mua (tr.đv)	1,172
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	100%
Tỷ lệ sở hữu của NN	19.0%
Tỷ lệ freefloat	58.4%
Cổ đông lớn	ông ty cổ phần Masan (24.3%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-24A	12-25F	12-26F
DT thuần (tỷ đồng)	83,178	83,759	97,674
EBITDA đc (tỷ đồng)	10,306	11,242	13,035
LNTT (tỷ đồng)	6,025	7,581	9,656
LNT ĐC (tỷ đồng)	1,999	3,748	5,187
FCF (tỷ đồng)	6,426	(3,252)	(10,066)
EPS ĐC (đồng)	1,345	2,465	3,411
DPS (đồng)	-	-	-
BVPS (đồng)	19,989	22,406	25,817
T.trưởng EBITDA (%)	25.9	9.08	16.0
T.trưởng EPS ĐC (%)	358	83.3	38.4
Tăng trưởng DPS (%)	-	-	-
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	12.4	13.4	13.3
Tỷ suất LNTT (%)	7.24	9.05	9.89
Tỷ suất LNT ĐC (%)	2.40	4.48	5.31
Tỷ lệ LN trả CT (%)	-	-	-
Nợ thuần/VCSH (%)	156	131	107
ROAE (%)	7.04	11.7	14.1
ROACE (%)	6.64	8.22	9.27
EV/doanh thu (lần)	2.01	1.97	1.67
EV/EBITDA ĐC (lần)	16.2	14.7	12.5
P/E ĐC (lần)	59.1	32.2	23.3
P/B (lần)	3.98	3.55	3.08
Lợi suất cổ tức (%)	-	-	-

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

Masan thông qua các công ty con và công ty liên kết hoạt động trong lĩnh vực bán lẻ, sản phẩm tiêu dùng nhanh có thương hiệu, thịt mát có thương hiệu, nguyên liệu cơ bản và dịch vụ tài chính.

Chuyên viên phân tích

Trần Hương Mỹ

Giám Đốc, Ngành Hàng Tiêu Dùng
my.th@hsc.com.vn
+84 28 3823 3299 Ext. 362

Huỳnh Phương Bảo Khánh

Chuyên viên, Ngành Hàng Tiêu Dùng
khanh.hpb@hsc.com.vn
+84 28 3823 3299 Ext. 369

Q4/2025: Lợi nhuận vượt dự báo nhờ MHT & TCB tăng trưởng mạnh

- KQKD Q4/2025 của MSN ở mức tích cực. Doanh thu thuần tăng 2% so với cùng kỳ và 10% so với quý trước đạt 23.246 tỷ đồng, thấp hơn khoảng 14% so với dự báo của HSC. Lợi nhuận thuần tăng mạnh 113% so với cùng kỳ và 22% so với quý trước đạt 1.474 tỷ đồng, vượt 25% so với dự báo của chúng tôi ở mức 1.184 tỷ đồng.
- Lợi nhuận vượt dự báo chủ yếu nhờ sự đảo chiều mạnh mẽ của MHT và mức đóng góp lợi nhuận từ TCB cao hơn kỳ vọng, qua đó bù đắp hoàn toàn mức suy giảm lợi nhuận tại MCH.
- HSC đang xem xét lại các dự báo của mình. MSN đang giao dịch ở mức P/E dự phóng năm 2026 là 23,3 lần.

Sự kiện: Công bố KQKD Q4/2025

Trong Q4/2025, doanh thu thuần của MSN đạt 23.246 tỷ đồng (tăng 2% so với cùng kỳ và 10% so với quý trước), thấp hơn khoảng 14% so với dự báo của HSC ở mức 26.913 tỷ đồng do doanh thu của MHT và MML kém hơn kỳ vọng. Lợi nhuận thuần tăng mạnh lên 1.474 tỷ đồng (tăng 113% so với cùng kỳ và 22% so với quý trước), vượt 25% so với dự báo của chúng tôi ở mức 1.184 tỷ đồng; trong khi LNST trước lợi ích CĐTS đạt 2.295 tỷ đồng, cao hơn 23% so với ước tính của chúng tôi ở mức 1.860 tỷ đồng. KQKD vượt dự báo chủ yếu nhờ sự đảo chiều mạnh mẽ của MHT và mức đóng góp lợi nhuận từ TCB cao hơn kỳ vọng, qua đó bù đắp hoàn toàn mức suy giảm lợi nhuận tại MCH.

MCH: KQKD hơi thấp hơn kỳ vọng

MCH ghi nhận doanh thu thuần Q4/2025 đạt 9.275 tỷ đồng (tăng 4% so với cùng kỳ, tăng 23% so với quý trước), cao hơn khoảng 4% so với dự báo của HSC, qua đó xác nhận sự phục hồi dần từ vùng đáy giữa năm khi số ngày tồn kho tại các nhà phân phối trở lại mức bình thường và doanh thu từ điểm bán lẻ bán ra cho người tiêu dùng vào thời điểm cuối năm cải thiện trên các ngành hàng cốt lõi. Tuy nhiên, LNST giảm 11% so với cùng kỳ xuống 2.104 tỷ đồng và thấp hơn 6% so với dự báo của chúng tôi ở mức 2.242 tỷ đồng, do tỷ suất lợi nhuận tiếp tục chịu áp lực và doanh thu HĐ tài chính giảm sau các đợt chi trả cổ tức lớn và số dư tiền mặt thấp hơn.

Tính chung cho năm 2025, doanh thu thuần của MCH giảm 1,1% xuống 30.557 tỷ đồng, vượt nhẹ dự báo của chúng tôi, trong khi LNST trước lợi ích CĐTS giảm 13,6% xuống 6.738 tỷ đồng, thấp hơn nhẹ so với kỳ vọng.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 29/1.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: KQKD Q4/2025 và cả năm 2025 hợp nhất, MSN

Tỷ đồng	Q4/25	So với cùng kỳ	So với quý trước	Q4/25F	% dự báo	2025	Tăng trưởng	2025F	% dự báo
Doanh thu thuần	23,246	2%	10%	26,913	86%	81,621	-2%	83,759	97%
Lợi nhuận gộp	7,255	3%	13%	8,448	86%	25,581	4%	26,458	97%
Lỗ tài chính	-1,283	NA	6%	-1,193	108%	-4,822	25%	-4,72	102%
Chi phí BH&QL	-4,714	2%	8%	-5,689	83%	-17,916	-3%	-19,029	94%
Lợi nhuận từ các công ty LD, LK	1,384	81%	9%	1,14	121%	5,08	14%	4,948	103%
LNTT	2,667	0%	24%	2,707	99%	7,888	31%	7,581	104%
LNST trước lợi ích của cổ đông thiểu số	2,295	48%	23%	1,86	123%	6,764	58%	6,253	108%
Lợi ích của cổ đông thiểu số	821	-4%	25%	677	121%	2,655	17%	2,504	106%
Lợi nhuận thuần	1,474	113%	22%	1,184	125%	4,108	106%	3,748	110%

Nguồn: HSC ước tính

MHT: Đảo chiều mạnh mẽ và lợi nhuận vượt xa dự báo

MHT ghi nhận doanh thu thuần Q4/2025 đạt 2.395 tỷ đồng trên cơ sở so sánh tương đương (tăng 7% so với cùng kỳ), thấp hơn đáng kể so với dự báo của HSC ở mức 3.598 tỷ đồng do sản lượng APT và đồng thấp hơn giả định, dù giá bán duy trì ở mức cao. Tuy vậy, LNST đã đảo chiều sang mức lãi 222 tỷ đồng từ khoản lỗ 215 tỷ đồng trong Q4/2024 và vượt xa dự báo của chúng tôi ở mức 43 tỷ đồng, nhờ giá APT bình quân cao hơn, giá fluorspar và bismuth tăng mạnh, tỷ lệ thu hồi cải thiện và chi phí lãi vay giảm sau khi thoái vốn H.C. Starck.

Bảng 2: Cơ cấu LNST (trước lợi ích của cổ đông thiểu số), MSN

(Tỷ đồng)	Q4/25	So với cùng kỳ	So với quý trước	Q4/25F	% dự báo	2025	Tăng trưởng	2025F	% dự báo
MCH	2,104	-11%	24%	2,242	94%	6,764	-15%	6,901	98%
WCM	257	23%	47%	252	102%	501	8627%	495	101%
MHT	222	Đảo chiều	4350%	11	2100%	11	Đảo chiều	-201	N/M
MML	153	80%	51%	101	152%	619	2342%	567	109%
PLH	53	21%	-4%	57	93%	193	58%	197	98%
Đóng góp từ TCB	1,361	104%	10%	1,226	111%	4,997	15%	4,862	103%

Nguồn: HSC ước tính

Tính chung cả năm, doanh thu của MHT giảm 48,1% xuống 7.443 tỷ đồng do không còn hợp nhất H.C. Starck, nhưng tăng trưởng 18,8% trên cơ sở so sánh tương đương; trong khi LNST cải thiện từ mức lỗ 1.638 tỷ đồng trong năm 2024 lên mức lãi nhẹ 11 tỷ đồng, vượt xa dự kiến của chúng tôi về một năm tiếp tục thua lỗ và xác nhận điểm đảo chiều trong xu hướng lợi nhuận của doanh nghiệp.

WCM: Tăng trưởng mạnh mẽ, sát với dự báo

WCM ghi nhận doanh thu thuần Q4/2025 đạt 10.520 tỷ đồng (tăng 23% so với cùng kỳ), nhìn chung sát với dự báo của HSC ở mức 10.787 tỷ đồng nhờ tăng trưởng doanh thu cửa hàng cũ tích cực và mạng lưới cửa hàng tiếp tục mở rộng. LNST cải thiện đạt 257 tỷ đồng, tăng 23% so với cùng kỳ và 47% so với quý trước, gần như sát với dự báo của chúng tôi ở mức 252 tỷ đồng, nhờ tỷ suất lợi nhuận tăng khi được thúc đẩy bởi năng suất bán hàng cao hơn và đòn bẩy hoạt động tốt hơn tại cả mô hình cửa hàng tiện lợi và siêu thị.

Tính chung cả năm, WCM ghi nhận doanh thu thuần đạt 38.979 tỷ đồng (tăng trưởng 19%) và LNST đạt 501 tỷ đồng, nhìn chung đều sát với dự báo của chúng tôi, được hỗ trợ bởi việc mở mới 764 cửa hàng và tăng trưởng doanh thu cửa hàng cũ mạnh hơn.

MML: Doanh thu thấp hơn dự báo nhưng lợi nhuận vượt kỳ vọng

MML ghi nhận doanh thu thuần Q4/2025 đạt 2.427 tỷ đồng (tăng 6% so với cùng kỳ và 2% so với quý trước), thấp hơn khoảng 11% so với dự báo của HSC ở mức 2.732 tỷ đồng do sản lượng chăn nuôi và thịt thấp hơn kỳ vọng. LNST tăng 80% so với cùng kỳ đạt 153 tỷ đồng, vượt 52% so với dự báo của chúng tôi ở mức 101 tỷ đồng nhờ tỷ suất lợi nhuận gộp cải thiện và mức đóng góp cao hơn từ các sản phẩm thịt chế biến. BLĐ nhấn mạnh việc tăng cường tích hợp với WCM và giá trị heo thịt cao hơn là các động lực chính thúc đẩy tăng trưởng; đồng thời, các sản phẩm đổi mới đang gia tăng tỷ trọng trong mảng thịt chế biến, qua đó hỗ trợ cơ cấu sản phẩm có tỷ suất lợi nhuận cao hơn dù tăng trưởng doanh thu ở mức khiêm tốn.

PLH: KQKD tích cực, sát với dự báo

PLH ghi nhận doanh thu thuần Q4/2025 đạt 518 tỷ đồng (tăng 24% so với cùng kỳ), nhìn chung sát với dự báo của HSC ở mức 519 tỷ đồng nhờ tỷ trọng mảng thực phẩm cao hơn và tăng trưởng mạnh của mảng giao hàng tiếp tục thúc đẩy doanh thu. LNST tăng 17% so với cùng kỳ đạt 53 tỷ đồng, tuy nhiên thấp

hơn khoảng 7% so với dự báo của HSC ở mức 57 tỷ đồng do chi phí hoạt động tăng và chi phí mở rộng cửa hàng vẫn ở mức cao.

Tính chung cả năm 2025, doanh thu thuần của PLH tăng trưởng 16,7% đạt 1.892 tỷ đồng và LNST tăng lên 193 tỷ đồng từ mức 122 tỷ đồng trong năm 2024, nhìn chung sát với dự báo của chúng tôi, được thúc đẩy bởi tỷ trọng mảng thực phẩm gia tăng và mức độ thâm nhập của mảng giao hàng cao hơn, qua đó hỗ trợ cải thiện tỷ suất lợi nhuận trong trung hạn.

TCB: Tăng trưởng mạnh, vượt kỳ vọng

Phần lợi nhuận mà MSN ghi nhận từ Techcombank trong Q4/2025 đạt 1.361 tỷ đồng, cao hơn khoảng 11% so với dự báo của HSC ở mức 1.226 tỷ đồng và gần gấp đôi mức đóng góp trong Q4/2024, qua đó là động lực chính giúp lợi nhuận toàn Tập đoàn vượt dự báo trong quý.

Tính chung cả năm 2025, TCB đóng góp 4.997 tỷ đồng lợi nhuận, tăng 15% so với năm 2024 và cao hơn khoảng 3% so với dự báo cả năm của chúng tôi ở mức 4.862 tỷ đồng.

Xem xét lại dự báo

HSC đang xem xét lại dự báo cho năm 2026.

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Doanh thu	78,252	83,178	83,759	97,674	112,821
Lợi nhuận gộp	22,121	24,656	26,458	30,740	35,407
Chi phí BH&QL	(17,942)	(18,482)	(19,029)	(21,888)	(25,195)
Thu nhập khác	-	-	-	-	-
Chi phí khác	-	-	-	-	-
EBIT	4,179	6,173	7,428	8,853	10,212
Lãi vay thuần	(7,357)	(6,189)	(5,396)	(5,281)	(5,242)
Lãi/nỗ trong Cty LD,LK	3,896	4,444	4,948	6,116	7,639
Lợi nhuận khác	-	-	-	-	-
LN không thường xuyên	1,845	1,597	601	(31.5)	(145)
LNTT	2,563	6,025	7,581	9,656	12,463
Chi phí thuế TNDN	(693)	(1,752)	(1,329)	(1,553)	(1,789)
Lợi ích cổ đông thiểu số	(1,451)	(2,273)	(2,504)	(2,916)	(3,375)
LNST không thường xuyên	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần	419	1,999	3,748	5,187	7,299
Lợi nhuận thuần ĐC	419	1,999	3,748	5,187	7,299
EBITDA ĐC	8,185	10,306	11,242	13,035	14,653
EPS (đồng)	294	1,345	2,465	3,411	4,801
EPS ĐC (đồng)	294	1,345	2,465	3,411	4,801
DPS (đồng)	-	-	-	-	-
Slg CP bình quân (triệu đv)	1,426	1,487	1,520	1,520	1,520
Slg CP cuối kỳ (triệu đv)	1,426	1,513	1,520	1,520	1,520
Slg CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	1,426	1,513	1,520	1,520	1,520

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Tiền & tương đương tiền	10,125	18,618	16,523	18,723	21,606
Đầu tư ngắn hạn	6,795	608	1,017	1,017	1,017
Phải thu khách hàng	11,985	21,865	5,042	5,055	5,068
Hàng tồn kho	13,175	10,787	10,926	12,741	14,717
Các tài sản ngắn hạn khác	1,684	1,692	1,895	1,883	1,872
Tổng tài sản ngắn hạn	43,763	53,570	35,403	39,419	44,279
TSCĐ hữu hình	30,469	27,121	26,968	27,876	28,664
TSCĐ vô hình	12,106	9,706	8,889	8,270	7,651
Bất động sản đầu tư	709	4.17	2.30	0.44	0
Đầu tư dài hạn	2,938	1,909	1,721	1,721	1,721
Đầu tư vào Cty LD,LK	30,282	33,410	37,324	42,399	48,996
Tài sản dài hạn khác	27,117	21,865	16,985	17,691	18,513
Tổng tài sản dài hạn	103,620	94,015	91,890	97,957	105,545
Tổng cộng tài sản	147,383	147,585	127,293	137,377	149,824
Nợ ngắn hạn	28,030	26,724	21,827	22,345	20,063
Phả trả người bán	6,318	7,171	7,022	8,202	9,486
Nợ ngắn hạn khác	14,109	23,602	5,445	6,251	7,168
Tổng nợ ngắn hạn	50,423	58,712	35,473	38,109	38,172
Nợ dài hạn	41,542	38,825	38,974	38,319	40,029
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	3,406	2,476	2,413	2,413	2,413
Nợ dài hạn khác	8,250	6,331	2,859	2,859	2,859
Tổng nợ dài hạn	53,198	47,632	44,245	43,591	45,301
Tổng nợ phải trả	109,146	106,832	80,211	82,192	83,966
Vốn chủ sở hữu	26,560	30,242	34,067	39,254	46,553
Lợi ích cổ đông thiểu số	11,678	10,510	13,015	15,931	19,305
Tổng vốn chủ sở hữu	38,237	40,752	47,082	55,185	65,859
Tổng nợ phải trả và VCSH	147,383	147,585	127,293	137,377	149,824
BVPS (đ)	18,625	19,989	22,406	25,817	30,617
Nợ thuần*/(tiền mặt)	59,448	46,931	44,277	41,941	38,486

Báo cáo LCTT (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
EBIT	4,179	6,173	7,428	8,853	10,212
Khấu hao	(4,007)	(4,133)	(3,813)	(4,182)	(4,441)
Lãi vay thuần	(7,357)	(6,189)	(5,396)	(5,281)	(5,242)
Thuế TNDN đã nộp	(816)	(1,408)	(1,321)	(1,542)	(1,778)
Thay đổi vốn lưu động	631	6,519	(22,162)	279	344
Khác	(143)	298	10,990	(12,842)	(14,524)
LCT thuần từ HKKD	500	9,525	(6,648)	(6,350)	(6,548)
Đầu tư TS dài hạn	(2,229)	(3,099)	3,395	(3,716)	(3,832)
Góp vốn & đầu tư	(11.8)	(6,557)	0	0	0
Thanh lý	-	-	-	-	-
Khác	-	-	-	-	-
LCT thuần từ HĐĐT	-	-	-	-	-
Cổ tức trả cho CSH	(244)	(1,721)	0	0	0
Thu từ phát hành CP	71.1	6,412	0	0	0
Tăng/giảm nợ	3,734	4,995	(4,749)	(136)	(572)
Khác	(15.3)	(14.1)	4,098	10,202	11,507
LCT thuần từ HĐTC	3,546	9,672	(651)	10,066	10,935
Tiền & tương đương tiền đầu kì	13,853	10,125	18,618	16,523	18,723
LCT thuần trong kỳ	-	-	-	-	-
Ảnh hưởng của tỷ giá	48.4	(10.1)	0	0	0
Tiền & tương đương tiền cuối kì	-	-	-	-	-
Dòng tiền tự do	(1,728)	6,426	(3,252)	(10,066)	(10,380)

Các chỉ số tài chính	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Chỉ số hoạt động					
Tỷ suất LN gộp (%)	28.3	29.6	31.6	31.5	31.4
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	10.5	12.4	13.4	13.3	13.0
Tỷ suất LNT (%)	0.54	2.40	4.48	5.31	6.47
Thuế TNDN hiện hành (%)	27.0	29.1	17.5	16.1	14.4
Tăng trưởng doanh thu (%)	2.71	6.30	0.70	16.6	15.5
Tăng trưởng EBITDA ĐC (%)	(9.81)	25.9	9.08	16.0	12.4
Tăng trưởng LNT ĐC (%)	(88.3)	377	87.5	38.4	40.7
Tăng trưởng EPS (%)	(88.3)	358	83.3	38.4	40.7
Tăng trưởng EPS ĐC (%)	(88.3)	358	83.3	38.4	40.7
Tăng trưởng DPS (%)	-	-	-	-	-
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	-	-	-	-	-
Chỉ số lợi nhuận					
ROAE (%)	1.59	7.04	11.7	14.1	17.0
ROACE (%)	4.83	6.64	8.22	9.27	9.68
Vòng quay tài sản (lần)	0.54	0.56	0.61	0.74	0.79
Tiền mặt HD/EBIT (lần)	0.12	1.54	(0.89)	(0.72)	(0.64)
Số ngày tồn kho	85.7	67.3	69.6	69.5	69.4
Số ngày phải thu	77.9	136	32.1	27.6	23.9
Số ngày phải trả	41.1	44.7	44.7	44.7	44.7
Cơ cấu vốn					
Nợ thuần*/VCSH (%)	227	156	131	107	83.2
Nợ/tài sản (%)	47.8	44.5	47.9	44.3	40.3
EBIT/lãi vay (lần)	0.57	1.00	1.38	1.68	1.95
Nợ/EBITDA (lần)	8.60	6.38	5.43	4.67	4.12
Chỉ số TT hiện thời (lần)	0.87	0.91	1.00	1.03	1.16
Định giá					
EV/doanh thu (lần)	2.21	2.01	1.97	1.67	1.41
EV/EBITDA ĐC (lần)	21.1	16.2	14.7	12.5	10.9
P/E (lần)	271	59.1	32.2	23.3	16.6
P/E ĐC (lần)	271	59.1	32.2	23.3	16.6
P/B (lần)	4.27	3.98	3.55	3.08	2.60
Lợi suất cổ tức (%)	-	-	-	-	-

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
 Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2025.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

Nhằm đảm bảo sự tách biệt và tính độc lập giữa chuyên viên phân tích và nhân viên của bộ phận tự doanh, HSC có thể có hoặc không có vị thế tự doanh đối với bất kỳ chứng khoán nào được đề cập trong báo cáo này. Nhân viên của bộ phận tự doanh của HSC có thể tham khảo gợi ý của bộ phận nghiên cứu khi mua hoặc bán các vị thế tự doanh hoặc các vị thế do các quỹ của HSC quản lý nắm giữ. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên viên phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch trái ngược với ý kiến tư vấn. Theo chính sách giao dịch cá nhân, nhân viên của HSC cũng có thể có lợi ích tài chính đối với các chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ liên quan. HSC cũng có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 2, 3, 5, 6, 7, 11 & 12 Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Phường Bến Thành, TP HCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn